

Bản án số: 18 /2017/DSST-HNGĐ  
Ngày 27/9/2017

**NHÂN DANH**  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Bá Toàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông: Lương Văn Vĩnh

2. Bà: Thào Thị Mỹ Duyên

**- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:**

Ông Bùi Quang Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Mã.

**- Đại diện VKSND huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:**

Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 32/2016/HNGĐ - ST ngày 27 tháng 01 năm 2016 về việc Xin ly hôn - Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐST - HNGĐ ngày 10/7/2017 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Tòng Thị O - Sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản I, xã M, huyện S, Sơn La - Có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Lò Văn H - Sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản I, xã M, huyện S, Sơn La - Vắng mặt

**3. Những người có quyền lợi liên quan:**

- Ông Tòng Văn P, bà Lò Thị H

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Í, xã M, huyện S. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thái B

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản T, xã M, huyện S. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Tòng Thị O trình bày:

Chị và anh Lò Văn H chung sống với nhau từ năm 2004 ở bản I, xã M, huyện Q, Sơn La; khi về sống chung với nhau hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2009 vợ chồng chị cùng bố mẹ chị đến sinh sống tại Bản Í, xã M, huyện S, Sơn La theo chương

trình di dân tái định cư thủy điện Sơn La. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2012 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là anh H hay uống rượu, không chăm lo đến cuộc sống gia đình, khi say rượu thì lại đánh chửi vợ con, chính quyền bản và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng anh H vẫn không thay đổi. Đến năm 2013 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, đến đầu năm 2015 chị đã có đơn đến Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đề nghị giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, khi Tòa án giải quyết hai vợ chồng đã nhất trí quay lại đoàn tụ với nhau. Khi quay lại đoàn tụ hai vợ chồng chị mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Hung, huyện Sông Mã, Sơn La. Hai vợ chồng quay lại sống với nhau được hai tháng thì mâu thuẫn gia đình lại tiếp tục nên chị và các con lại quay về nhà bố mẹ ở, tuy nhiên anh H thường xuyên bỏ nhà đi nên mỗi lần như vậy chị lại phải quay về nhà để trông coi.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Lò Thị V sinh ngày 16/5/2005 và Lò Văn T sinh ngày 01/3/2007.

- Về tài sản chung: Gia đình có một số tài sản chung có giá trị như sau:  
 + 01 nhà sàn trị giá 13.000.000đ ( mười ba triệu đồng )  
 + 01 con bò trị giá 12.000.000đ ( mười hai triệu đồng )  
 + 01 con bê trị giá 3.000.000đ ( ba triệu đồng )  
 + 12 thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ( theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố mẹ đẻ là ông Tòng Văn P và bà Lò Thị H ).

Ngoài ra là một số đồ dùng trong sinh hoạt gia đình.

- Về nợ chung: Hiện vợ chồng chị có nợ ông Nguyễn Thái B, địa chỉ bản T, xã M, huyện S số tiền 770.000đ ( bảy trăm bảy mươi nghìn đồng ).

Nay do vợ chồng không thể chung sống với nhau nên đề nghị giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho ly hôn.  
 - Về con chung: Giải quyết cho chị trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.  
 - Về tài sản chung: Đối với tài sản là nhà, một con bò, một con bê và 12 thửa đất đề sản xuất giải quyết theo quy định của pháp luật, xem xét ưu tiên cho chị được sử dụng ngôi nhà và xem xét đảm bảo được quyền lợi cho các con. Đối với một số đồ dùng sinh hoạt gồm chăn đệm, bát đĩa, xoong nồi do đều đã cũ nên không đề nghị giải quyết.

Tài liệu có trong hồ sơ anh Lò Văn H trình bày: Anh hoàn toàn đồng ý với những ý kiến trình bày của chị O, tuy nhiên anh thấy anh vẫn còn tình cảm với vợ nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay lại đoàn tụ.

Tài liệu trong hồ sơ ông Tòng Văn P trình bày: Ông là bố đẻ của chị Tòng Thị H, khi di dân theo chương trình di dân tái định cư thủy điện Sơn La về định cư tại bản Ít, xã Mường Hung, huyện Sông Mã gia đình các con Tòng Thị O và Lò Văn H thuộc nhân khẩu của hộ gia đình ông bà ( do ông làm chủ hộ ), khi đến nơi ở mới gia đình đã được Nhà nước cấp đất ( có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông bà ), sau đó vợ chồng Tòng Thị O và Lò Văn H làm nhà ra ở riêng, khi ra ở riêng đã được chính quyền địa phương căn cứ theo quỹ đất đã được cấp chung cho cả gia đình, chia đất cho vợ chồng Tòng Thị O và Lò Văn H, đất gồm 12 thửa. Nay vợ chồng các con mâu thuẫn lớn không ở với nhau được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, về tài sản là nhà, bò và 12 thửa đất đã được chia là tài sản chung của các con nên cũng đề nghị Tòa án xem xét chia cho công bằng.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Thái B không có mặt, tuy nhiên tài liệu trong hồ sơ thể hiện, vợ chồng chị Tòng Thị O và anh Lò Văn H còn nợ ông số tiền 770.000đ ( bảy trăm bảy mươi ngàn đồng ). Nay đề nghị buộc chị O có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho ông.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng; quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Luật tố tụng về các thủ tục. Đương sự Tòng Thị O đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa; đối với đương sự Lò Văn H quá trình Tòa án giải quyết nhiều lần không chấp hành triệu tập của Tòa án, thường xuyên vắng mặt tại địa phương gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định cho chị Tòng Thị O được ly hôn anh Lò Văn H; giao các cháu Lò Thị V, Lò Văn T cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, không buộc anh H phải cấp dưỡng; về tài sản xem xét chia theo quy định của pháp luật; về nợ chung buộc chị Tòng Thị O thanh toán nợ theo yêu cầu của anh Nguyễn Thái B. Buộc đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cho các đương sự ghi bản tự khai, tiến hành xem xét thực địa đất đai, tài sản chung, tiến hành các biện pháp khác để thu thập chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn H thường xuyên không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập, sau khi xác minh xác định được anh H không có mặt tại địa phương nên đã phải ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án; đến ngày 18 tháng 4

năm 2017 anh Lò Văn H đã tiếp tục hợp tác nên Tòa án đã ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa, nhưng khi mở phiên tòa anh H lại không có mặt nên Tòa án đã phải ra Quyết định hoãn phiên tòa nhiều lần. Tại phiên tòa hôm nay anh Lò Văn H vẫn vắng mặt, tuy nhiên trước khi mở phiên tòa, Tòa án thực hiện các thủ tục giao Quyết định xét xử và niêm yết các giấy tờ liên quan - Nên việc Tòa án mở phiên tòa để xét xử vắng mặt anh Lò Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị O và anh Lò Văn H chung sống với nhau từ năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Đến ngày 23 tháng 3 năm 2015 anh chị đã thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Hung, huyện Sông Mã, như vậy quan hệ hôn nhân của anh chị đã được xác lập - Quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là anh H hay uống rượu, không chăm lo đến cuộc sống gia đình, khi say rượu thì lại đánh chửi vợ con, chính quyền bản và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng anh H vẫn không thay đổi; năm 2013 chị O đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, đến đầu năm 2015 chị đã có đơn đến Tòa án nhân dân huyện Sông Mã đề nghị giải quyết cho vợ chồng được ly hôn, khi Tòa án giải quyết hai vợ chồng đã nhất trí quay lại đoàn tụ với nhau, nhưng hai vợ chồng quay lại sống với nhau chỉ được hai tháng thì mâu thuẫn gia đình lại tiếp tục, hai bên lại sống ly thân từ đó. Quá trình giải quyết tại Tòa án anh H ý kiến anh vẫn còn tình cảm với vợ nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay lại đoàn tụ, tuy nhiên anh không thay đổi bản thân, thường xuyên bỏ nhà đi đâu không biết, không quan tâm đến việc phát triển kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con, khi uống rượu lại quay ra dọa nạt, hành hạ vợ con. Như vậy tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân đã lâu, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Việc quyết định cho anh chị ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là Lò Thị V sinh ngày 16/5/2005 và Lò Văn T sinh ngày 01/3/2007, tại phiên tòa các cháu không có mặt, tuy nhiên tại tài liệu trong hồ sơ đều thể hiện các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ - Cần xem xét đến điều kiện chăm sóc con và nguyện vọng của các cháu để giao hai cháu cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị O không yêu cầu anh H cấp dưỡng nên cần chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị O và anh H có một số tài sản gồm 01 nhà sàn trị giá 13.000.000đ ( mười ba triệu đồng ), 01 con bò trị giá 12.000.000đ ( mười hai triệu đồng ), 01 con bê trị giá 3.000.000đ ( ba triệu đồng ) và 12 thửa đất đã được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ( theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố mẹ đẻ là ông Tòng Văn P và bà Lò Thị H ) gồm:

+ Thửa thứ 1: Là đất trồng cây ăn quả lâu năm: Thửa số 195; tờ bản đồ số 3; diện tích 1,424 m<sup>2</sup>; giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 194 của gia đình, phía nam giáp thửa đất số 196 của ông Lò Văn D, phía đông giáp thửa đất số 212 của cộng đồng bản, phía tây giáp thửa đất số 174 của ông Lò Văn U.

+ Thửa đất thứ 2: Là đất nương dẫy trồng cây hàng năm: Thửa số 194; tờ bản đồ số 3; diện tích là 2,071 m<sup>2</sup>; giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 193 của ông Tòng Văn X, phía nam giáp thửa đất số 195 của gia đình, phía đông giáp thửa đất số 212 của cộng đồng bản, phía tây giáp thửa đất số 173 của ông Lò Văn U.

+ Thửa thứ 3: Là đất nương rẫy trồng cây hàng năm: Thửa số 342; tờ bản đồ số 3; diện tích 786,9 m<sup>2</sup>; giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 325 của ông Là Văn C, phía nam giáp thửa đất số 351 của gia đình, phía đông giáp: giáp thửa đất số 352 của cộng đồng bản, phía tây giáp đường nội đồng.

+ Thửa thứ 4: Là đất nương rẫy trồng cây hàng năm: Thửa số 351; tờ bản đồ số 3; diện tích 169,9 m<sup>2</sup>; giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 342 của gia đình, phía nam giáp thửa đất số 417 của ông Lò Văn K, phía đông giáp thửa đất số 369 của cộng đồng bản, phía tây giáp đường nội đồng.

+ Thửa thứ 5: Là đất nương rẫy trồng cây hàng năm: Thửa số 24; tờ bản đồ số 4; diện tích 800,2 m<sup>2</sup>; giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 14 của ông Lò Văn Ú, phía nam giáp thửa đất số 31 của ông Tòng Văn N, phía đông giáp thửa đất số 23 của ông Quàng Văn Q, phía tây giáp thửa đất số 25 của ông Tòng Văn Q.

+ Thửa thứ 6: Là đất nương rẫy trồng cây hàng năm: Thửa số 54; tờ bản đồ số 5; diện tích 3,738 m<sup>2</sup>; giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 63 của cộng đồng bản, phía nam giáp kênh mương, phía đông giáp thửa đất số 47 của ông Tòng Văn H, phía tây giáp thửa đất số 61 của ông Tòng Văn H.

+ Thửa thứ 7: Là đất nương rẫy trồng cây hàng năm: Thửa số 69; tờ bản đồ số 5; diện tích 1,077,1 m<sup>2</sup>; giáp ranh như sau: Phía bắc giáp kênh mương, phía nam giáp thửa đất số 63 của cộng đồng bản, phía đông giáp thửa đất số 60 của ông Lò Văn T, phía tây giáp thửa đất số 68 của ông Tòng Văn H.

+ Thửa thứ 8: Là đất chuyên trồng lúa nước: Thửa số 30; tờ bản đồ số 3; diện tích 790,3 m<sup>2</sup> ( lô 1); giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 12 của ông Tòng Văn P, phía nam giáp thửa đất số 43 của gia đình, phía đông giáp thửa đất số 31 của cộng đồng bản, phía tây giáp đất chưa sử dụng.

+ Thửa thứ 9: Là đất chuyên trồng lúa nước: Thửa số 42; tờ bản đồ số 3; diện tích 510 m<sup>2</sup> ( lô 1); giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 18 của ông Tòng Văn P, phía nam giáp thửa đất số 58 của cộng đồng bản, phía đông giáp thửa đất số 32 của cộng đồng bản, phía tây giáp thửa đất số 31 của cộng đồng bản.

+ Thửa thứ 10: Là đất chuyên trồng lúa nước: Thửa số 43; tờ bản đồ số 3; diện tích 60,5 m<sup>2</sup> ( lô 1); giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 30 của gia đình, phía nam giáp thửa đất số 58 của cộng đồng bản, phía đông giáp: giáp thửa đất số 58 của cộng đồng bản, phía tây giáp thửa đất số 44 của cộng đồng bản.

+ Thửa thứ 11: Là đất chuyên trồng lúa nước: Thửa đất số 232; tờ bản đồ số 1; diện tích 447,5 m<sup>2</sup> ( lô 2); giáp ranh như sau: Phía bắc giáp đường nội đồng, phía nam giáp thửa đất ruộng số 277 của ông Tòng Văn X, phía đông giáp thửa đất số 182 của ông Lò Văn T, phía tây giáp thửa đất số 233 của gia đình.

+ Thửa thứ 12: Là đất chuyên trồng lúa nước: Thửa đất số 233; tờ bản đồ số 1; diện tích 122,6 m<sup>2</sup> (lô 2): giáp ranh như sau: Phía bắc giáp đường nội đồng, phía nam giáp thửa đất số 241 của ông Lò Văn Ứ, phía đông giáp thửa đất số 232 của gia đình, phía tây giáp thửa đất số 240 của ông Lò Văn D.

( Thửa số 194 và 195 là thửa có 01 ngôi nhà sàn bằng gỗ )

Về số tài sản chung là ngôi nhà sàn, một con bò và một con bê hiện chị Tòng Thị O đang quản lý sử dụng cần xem xét chia cho đều cho anh chị, nhưng cần xem xét đến nhu cầu thực tế của từng người, đảm bảo nhu cầu hiện tại của chị O và các con.

Về tài sản là quyền sử dụng 12 thửa đất: 12 thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bố mẹ đẻ là ông Tòng Văn P và bà Lò Thị H ( Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 782820 do Ủy ban nhân dân huyện Sông Mã cấp ngày 18 tháng 11 năm 2013 ) - Do chị O và anh H đều làm nghề trồng trọt, anh chị đều phải có nhu cầu để tiếp tục sử dụng đất, nên phải chia quyền sử dụng cho anh chị, nhưng chị O là người trực tiếp nuôi các con chưa thành niên mà không có sự cấp dưỡng của anh H, nên cần xem xét ưu tiên. Do 12 thửa đất này được cấp chung trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bố mẹ đẻ chị O là ông Tòng Văn P và bà Lò Thị H đứng tên, nên Chị Tòng Thị O, anh Lò Văn H và ông Tòng Văn P, bà Lò Thị H phải có trách nhiệm làm thủ tục tách quyền sử dụng đất theo đúng quy định.

Ngoài ra đối với số tài sản được xác định chia cho anh Lò Văn H, hiện nay anh Lò Văn H không có mặt tại địa phương, tại nơi cư trú anh H không có ai thân thích nên không thể giao tài sản cho anh H hoặc tạm giam tài sản cho người thân thích quản lý được, tuy nhiên tại phiên tòa chị Oai ý kiến chị chấp nhận sẽ

tạm thời quản lý phần tài sản đã được chia cho anh H, chị cam đoan sẽ chịu trách nhiệm toàn bộ với số tài sản này, khi anh H quay về địa phương chị sẽ giao lại toàn bộ số tài sản này cho anh H. Nên cần tạm giao cho chị Tòng Thị O quản lý số tài sản anh H được chia.

Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng chị còn nợ ông Nguyễn Thái B số tiền 770.000đ ( bảy trăm bảy mươi ngàn đồng ), mặc dù tại phiên tòa ông Nguyễn Thái B không có mặt, tuy nhiên ông đã có ý kiến đề nghị buộc chị O thanh toán cho ông, mặt khác chị O cũng tự nguyện chấp nhận sẽ thanh toán số nợ này - Cần chấp nhận đề nghị của ông B và ý kiến của chị O, buộc chị O thanh toán số nợ cho ông B.

Về án phí: Chị Tòng Thị O phải chịu án phí ly hôn, án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ( quyền sử dụng đất ) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ( là giá trị ngôi nhà và con bê ), anh Lò Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch ( quyền sử dụng đất ) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ( là giá trị con bò ).

*Vì các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 56,57, 59, 62, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 39, 228 và Điều 147 BLTTDS; các điểm a,b khoản 1 Điều 24; các khoản 7, 8, 9 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Tòng Thị O đối với anh Lò Văn H.

Chị Tòng Thị O được ly hôn anh Lò Văn H.

2. Về con chung: Chị Tòng Thị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lò Thị V sinh ngày 16/5/2005 và Lò Văn T sinh ngày 01/3/2007. Anh Lò Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con; anh Lò Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

#### **3. Về tài sản chung:**

- Chị Tòng Thị O được chia những tài sản sau:

+ 01 ( một ) nhà sàn bằng gỗ trị giá 13.000.000đ ( mười ba triệu đồng )

+ 01 ( một ) con bê trị giá 3.000.000đ ( ba triệu đồng ).

+ Thửa đất trồng cây ăn quả lâu năm: Thửa số 195; tờ bản đồ số 3; diện tích 1,424 m<sup>2</sup>; giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 194, phía nam giáp

thửa đất số 196 của ông Lò Văn D, phía đông giáp thửa đất số 212 của cộng đồng bản, phía tây giáp thửa đất số 174 của ông Lò Văn U;

+ Thửa đất nương rẫy trồng cây hàng năm: Thửa số 194; tờ bản đồ số 3; diện tích là 2,071 m<sup>2</sup>; giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 193 của ông Tòng Văn X, phía nam giáp thửa đất số 195, phía đông giáp thửa đất số 212 của cộng đồng bản, phía tây giáp thửa đất số 173 của ông Lò Văn U;

+ Thửa đất nương rẫy trồng cây hàng năm: Thửa số 342; tờ bản đồ số 3; diện tích 786,9 m<sup>2</sup>; giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 325 của ông Là Văn C, phía nam giáp thửa đất số 351 của anh H, phía đông giáp: giáp thửa đất số 352 của cộng đồng bản, phía tây giáp đường nội đồng;

+ Thửa đất nương rẫy trồng cây hàng năm: Thửa số 69; tờ bản đồ số 5; diện tích 1,077,1 m<sup>2</sup>; giáp ranh như sau: Phía bắc giáp kênh mương, phía nam giáp thửa đất số 63 của cộng đồng bản, phía đông giáp thửa đất số 60 của ông Lò Văn Toán, phía tây giáp thửa đất số 68 của ông Tòng Văn H;

+ Thửa đất chuyên trồng lúa nước: Thửa số 30; tờ bản đồ số 3; diện tích 790,3 m<sup>2</sup> ( lô 1); giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 12 của ông Tòng Văn P, phía nam giáp thửa đất số 43, phía đông giáp thửa đất số 31 của cộng đồng bản, phía tây giáp đất chưa sử dụng

+ Thửa đất chuyên trồng lúa nước: Thửa đất số 232; tờ bản đồ số 1; diện tích 447,5 m<sup>2</sup> ( lô 2); giáp ranh như sau: Phía bắc giáp đường nội đồng, phía nam giáp thửa đất ruộng số 277 của ông Tòng Văn X, phía đông giáp thửa đất số 182 của ông Lò Văn T, phía tây giáp thửa đất số 233 của anh H

( Thửa số 194 và 195 là thửa có 01 ngôi nhà sàn )

- Anh Lò Văn H được chia những tài sản sau:

+ 01 ( một ) con bò trị giá 12.000.000đ ( mười hai triệu đồng ).

+ Thửa đất nương rẫy trồng cây hàng năm: Thửa số 54; tờ bản đồ số 5; diện tích 3,738 m<sup>2</sup>; giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 63 của cộng đồng bản, phía nam giáp kênh mương, phía đông giáp thửa đất số 47 của ông Tòng Văn H, phía tây giáp thửa đất số 61 của ông Tòng Văn H;

+ Thửa đất nương rẫy trồng cây hàng năm: Thửa số 351; tờ bản đồ số 3; diện tích 169,9 m<sup>2</sup>; giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 342 của chị O, phía nam giáp thửa đất số 417 của ông Lò Văn K, phía đông giáp thửa đất số 369 của cộng đồng bản, phía tây giáp đường nội đồng;

+ Thửa đất nương rẫy trồng cây hàng năm: Thửa số 24; tờ bản đồ số 4; diện tích 800,2 m<sup>2</sup>; giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 14 của ông Lò Văn Ú, phía nam giáp thửa đất số 31 của ông Tòng Văn N, phía đông giáp thửa

đất số 23 của ông Quảng Văn Q, phía tây giáp thửa đất số 25 của ông Tông Văn Q;

+ Thửa đất chuyên trồng lúa nước: Thửa số 43; tờ bản đồ số 3; diện tích 60,5 m<sup>2</sup> ( lô 1 ); giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 30, phía nam giáp thửa đất số 58 của cộng đồng bản, phía đông giáp: giáp thửa đất số 58 của cộng đồng bản, phía tây giáp thửa đất số 44 của cộng đồng bản.

+ Thửa đất chuyên trồng lúa nước: Thửa số 42; tờ bản đồ số 3; diện tích 510 m<sup>2</sup> ( lô 1 ); giáp ranh như sau: Phía bắc giáp thửa đất số 18 của ông Tông Văn P, phía nam giáp thửa đất số 58 của cộng đồng bản, phía đông giáp thửa đất số 32 của cộng đồng bản, phía tây giáp thửa đất số 31 của cộng đồng bản.

+ Thửa đất chuyên trồng lúa nước: Thửa đất số 233; tờ bản đồ số 1; diện tích 122,6 m<sup>2</sup> ( lô 2 ); giáp ranh như sau: Phía bắc giáp đường nội đồng, phía nam giáp thửa đất số 241 của ông Lò Văn Ú, phía đông giáp thửa đất số 232 của chị O, phía tây giáp thửa đất số 240 của ông Lò Văn D.

Chị Tông Thị O, anh Lò Văn H, ông Tông Văn P và bà Lò Thị H phải tuân thủ các quy định về quản lý đất đai của Nhà nước.

Tạm giao cho chị Tông Thị O quản lý số tài sản là một con bò và 06 thửa đất đã chia cho anh Lò Văn H.

Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2016/QĐ-TA ngày 19/02/2016 của Tòa án nhân dân huyện Sông Mã hết hiệu lực thi hành.

**4. Về nợ chung:** Chị Tông Thị O, phải thanh toán cho ông Nguyễn Thái B, địa chỉ Bản T, xã M, huyện S số tiền 770.000đ ( bảy trăm bảy mươi ngàn đồng ).

#### **5. Về án phí:**

- Chị Tông Thị O phải chịu 200.000đ ( Hai trăm ngàn đồng ) án phí ly hôn, 200.000đ ( hai trăm ngàn đồng ) án phí sơ thẩm không có giá ngạch và 800.000đ ( tám trăm ngàn đồng ) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch - Tổng cộng là 1.200.000đ ( một triệu hai trăm ngàn đồng ).

Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2013/01821 ngày 27/01/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã - Chị Tông Thị O đã nộp đủ án phí ly hôn.

- Anh Lò Văn H phải chịu 200.000đ ( hai trăm ngàn đồng ) án phí sơ thẩm không có giá ngạch và 600.000đ ( sáu trăm ngàn đồng ) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chị Tông Thị O, ông Tông Văn P và bà Lò Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ( ngày 27/9/2017 ). Anh Lò Văn H,

ông Nguyễn Thái B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- Toà án ND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- CCTHADS huyện;
- UBND xã M Hưng;
- Các đương sự;
- Người có qlq;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Bá Toàn**